

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hồ.

Ông Nguyễn Trường Dương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Phạm Trúc N, sinh năm: 1984.**

HKTT: Số 50, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

Tạm trú: Số 19, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

- **Bị đơn: Anh Phạm Hồng V, sinh năm: 1977.**

HKTT: Số 50, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

(chị N có mặt, anh V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: **Chị** và anh Phạm Hồng V tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn từ việc anh V thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện gây sự với chị và thi thoảng đánh chị; mâu thuẫn kéo dài từ nhiều năm chị đã nhịn nhường nhiều lần nhưng anh V cũng không thay đổi, nên đến đầu

năm 2018 thì anh chị chính thức ly thân. Trong thời gian ly thân anh V có tìm cách hàn gắn nhưng chị không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên chị không tiếp tục chung sống nữa. Chuyện mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đều biết và để anh chị tự quyết định. Nay chị nộp đơn ly hôn với anh V rất mong tòa án chấp nhận đơn của chị.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh T, sinh ngày: 02/8/2003, Phạm Thị Kiều T, sinh ngày: 11/12/2004, Phạm Ánh N, sinh ngày: 18/11/2006, Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày: 10/6/2009. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu N, giao các cháu T, T, N cho anh V nuôi dưỡng và tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Phạm Hồng V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị Ngân được ly hôn với anh V. Về con chung: Giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng, giao các cháu T, T, N cho anh V nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Trúc N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hồng V, sinh năm: 1977, địa chỉ: Số 50, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Ngân nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 ngày 06/11/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị N trình bày anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh V không thay đổi và thực tế anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh V, hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn.

Đồng thời anh V đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do thể hiện anh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị N với anh V là trầm trọng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ngân yêu cầu ly hôn với anh V là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 04 con chung Phạm Thị Quỳnh T, sinh ngày: 02/8/2003, Phạm Thị Kiều T, sinh ngày: 11/12/2004, Phạm Ánh N, sinh ngày: 18/11/2006, Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày: 10/6/2009. Ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu N có nguyện vọng được sống cùng với chị N. Hơn nữa, chị N đang làm việc tại Công ty TNHH POU SUNG Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ, với mức lương 6.000.000đ/tháng chưa tăng ca. Nên giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng.

Còn cháu T, T, N có nguyện vọng được ở cùng với anh V. Nên giao các cháu cho anh V nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh V, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Trúc N về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” với anh Phạm Hồng V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Trúc N được ly hôn với anh Phạm Hồng V.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày: 10/6/2009 cho chị Phạm Trúc N nuôi dưỡng. Giao các cháu Phạm Thị Quỳnh T, sinh ngày: 02/8/2003, Phạm Thị Kiều T, sinh ngày: 11/12/2004, Phạm Ánh N, sinh ngày: 18/11/2006 cho anh Phạm Hồng V nuôi dưỡng. Tạm thời anh Phạm Hồng V, chị Phạm Trúc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Hồng V, chị Phạm Trúc N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Trúc N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001193 ngày 17/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Phạm Trúc N đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Thi hành án huyện Trảng Bom;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương